TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2023/DS-ST**
Ngày: 31-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tiến.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Phước.
2. Bà Đoàn Thị Ngọc Hân

- Thư ký phiên tòa: ông Đoàn Ngọc Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Huỳnh Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 93/2023/TLST- DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Dương Văn T, sinh năm 1949. Địa chỉ: ấp B, xã B1, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* Nguyễn Hữu T, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Dương Văn T trình bày:*

Vào ngày 03/6/2022 ông và ông T có ký hợp đồng ông cho ông T vay số tiền là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) không tính lãi với thời hạn vay là 8 tháng.

Đến ngày 29/8/2022 ông T mượn tiếp của ông số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) hẹn trong thời gian 30 ngày trả lại.

Sau 30 ngày ông điện thoại nhiều lần ông T không nghe máy, sau nhiều lần không liên lạc được, thấy có dấu hiệu lừa đảo nên ngày 09/01/2023 ông gửi đơn đến Công an xã T1 để tố giác hành vi của ông T đối với số tiền 80.000.000đ

Ngày 17/02/2023 Công An xã T1 lập biên bản ông T đồng ý trả ông số tiền 80.000.000đ nhưng sau đó ông T trả cho ông được 65.000.000đ, còn lại 15.000.000đ hứa trả ngày 15/3/2023 nhưng không trả.

Nay ông yêu cầu ông T có trách nhiệm trả cho ông tổng cộng số tiền 315.000.000đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu T trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông T đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của ông T.

Tại tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm như sau:

- *Về tố tụng*: Người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng quy định pháp luật. Người tham gia tố tụng là bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung*: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c, khoản 1 Điều 39 BLTTDS; Điều 463, 465, 466 và 468 BLDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T đối với ông Nguyễn Hữu T.

Buộc ông Nguyễn Hữu T phải trả cho ông Dương Văn T số tiền 315.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Dương Văn T đối với ông Nguyễn Hữu T thì vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Nguyễn Hữu T cư trú tại ấp T, xã T1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông Nguyễn Hữu T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để hòa giải và lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông T là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Dương Văn T và ông Nguyễn Hữu T. Hợp đồng vay tài sản lập ngày 03/6/2022 ông T cho ông T vay số tiền 300.000.000đ, hợp đồng lập tại Văn phòng công chứng

Tín Hữu- Tp Bến Tre. Biên bản do Công an xã T1 lập ngày 17/02/2023 ông T xác nhận có nợ ông T 80.000.000đ và hứa trả , tại biên bản này ông T thừa nhận ông T đã trả được 65.000.000đ, còn lại 15.000.000đ chưa trả. Từ những cơ sở này đã xác định được tài sản mà ông Nguyễn Hữu Ti còn thiếu lại ông Dương Văn T số tiền 315.000.000đ (ba trăm mười lăm triệu đồng). Qua hợp đồng này thấy rằng ông T đã sử dụng hết quyền nhận tài sản nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm hợp đồng, ông T khởi kiện ông T vi phạm hợp đồng là có cơ sở nên được chấp nhận. Vì vậy phải buộc ông T thực hiện nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 315.000.000đ (ba trăm mười lăm triệu đồng) là hoàn toàn đúng pháp luật. Ghi nhận việc ông T không yêu cầu ông T trả lãi.

[3] Về án phí: do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí theo Nghị quyết số: 326/2016/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: 315.000.000 đồng x 5% = 15.750.000 đồng.

[4] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông DươngVăn T đối với ông Nguyễn Hữu T.

2. Buộc ông Nguyễn Hữu T có trách nhiệm trả cho ông Dương Văn T số tiền 315.000.000đ (ba trăm mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: ông Nguyễn Hữu T chịu số tiền là 15.750.000đ (mười lăm triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a , 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trương Thị Tiến